

Bản án số: **81** /2026/DS-PT

Ngày: 25 - 9- 2026

V/v “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Vân.

Các thẩm phán: Ông Dương Mạnh Chiến và ông Nguyễn Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/5/2026 và 25/9/2026, tại Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2026/TL-PT ngày 25 tháng 3 năm 2026 về “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2, thành phố Quảng Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2026/QĐ-PT ngày 13/04/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2026/QĐ-PT ngày 05/5/2026; Thông báo mở lại phiên tòa số 198/ TB-TA ngày 04/9/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thắm, sinh năm 1962. Địa chỉ: tổ 6, khu 2 Hồng Hà, phường Hạ Long, thành phố Quảng Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: bà Lê Thị Lắng, sinh năm 1932. Địa chỉ: khu Hà An 3, phường Hà An, thành phố Quảng Ninh. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân phường Hà An, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Hữu Thắng, sinh năm 1959; nơi đăng ký thường trú: tổ 1, khu 2 Trần Hưng Đạo, phường Hồng Gai, thành phố Quảng Ninh; địa chỉ nơi ở: Nhà MG2-08 khu Vinhom, tổ 57, khu Hồng Gai 4, phường Hồng Gai, thành phố Quảng Ninh. Có mặt.

- Ông Nguyễn Hữu Thuần, sinh năm 1963; địa chỉ: tổ 11b, khu 4 Hùng Thắng, phường Bãi Cháy, thành phố Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1964; địa chỉ: số 223b đường Hùng Vương, khu Hồng Hà, phường Móng Cái 2, thành phố Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Toan, sinh năm 1967. Địa chỉ: số nhà 225 đường Bãi Muối, tổ 58b, khu 6, phường Hà Lâm, thành phố Quảng Ninh. Vắng mặt ngày 26/5/2026, có mặt ngày 25/9/2026.

(Ông Nguyễn Hữu Thuấn, bà Nguyễn Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Toan ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu Thắng theo Hợp đồng ủy quyền ngày 15/4/2024 công chứng tại Văn phòng công chứng Hưng Quảng). Có mặt.

- Ông Nguyễn Hữu Tuấn, sinh năm 1970. Địa chỉ: số 112 A Tô Vĩnh Diện, tổ 15, khu 4 Hồng Hà, phường Hạ Long, thành phố Quảng Ninh. Có mặt ngày 26/5/2026, vắng mặt ngày 25/9/2026.

- Ông Vũ Văn Khòa và bà Nguyễn Thị Thanh. Địa chỉ: khu Hà An 9, phường Hà An, thành phố Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn Nhật. Địa chỉ: khu Hà An 10, phường Hà An, thành phố Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Ông Lưu Vĩnh Tiến, địa chỉ: khu 10 Hà An phường Hà An, thành phố Quảng Ninh; Vắng mặt.

- Ông Lưu Thế Phương và bà Đồng Thị Loan, địa chỉ: phường Móng Cái, thành phố Quảng Ninh. Bà Loan vắng mặt, ông Phương vắng mặt ngày 26/5/2026, có mặt ngày 25/9/2026.

- Bà Lưu Thị Anh, địa chỉ: khu 6, phường Móng Cái 3, thành phố Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Bà Lưu Thị Hồng, địa chỉ: khu 7, phường Móng Cái 3, thành phố Quảng Ninh. Vắng mặt.

(Ông Lưu Thế Phương là người đại diện theo ủy quyền của ông Tiến, bà Anh, bà Hồng, bà Loan – theo Giấy ủy quyền ngày 15/9/2025, chứng thực phường Móng Cái 2, thành phố Quảng Ninh). Vắng mặt ngày 26/5/2026, có mặt ngày 25/9/2026.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thắm, bà Lê Thị Lắng, ông Lưu Thế Phương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thắm trình bày:*

Bố bà là ông Nguyễn Hữu Trang sinh năm 1932 và mẹ bà là Lê Thị Lắng sinh năm 1932, bố mẹ bà có 06 người con là ông Nguyễn Hữu Thắng, bà (là Nguyễn Thị Thắm), ông Nguyễn Hữu Thuấn, bà Nguyễn Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Toan, ông Nguyễn Hữu Tuấn. Sinh thời, bố, mẹ bà có tạo dựng được khối tài sản chung là quyền sử dụng diện tích 190m² đất ở, tại thửa đất số 226, tờ bản đồ số 03, địa chỉ tại: khu 10, phường Hà An, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh (*nay là khu Hà An 5, phường Hà An, thành phố Quảng Ninh*) được UBND thị xã Quảng Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A358306 cấp ngày 20/3/1991 mang tên bà Vũ Thị Nắng (được điều chỉnh biên động thành Lê Thị Lắng ngày 23/7/2021).

Ngày 10/8/2011 bố bà là ông Nguyễn Hữu Trang chết, bà Thắm khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của bố, do ông Trang chết không để lại di chúc, bà Thắm yêu

cầu chia thừa kế theo pháp luật. Di sản để chia thừa kế của ông Trang là 1/2 quyền sử dụng thửa đất, tương ứng 95m² đất ở của thửa đất số 226 nêu trên; người được hưởng thừa kế của ông Trang là 06 anh chị em bà và mẹ bà, di sản chia cho 07 kỷ phần. Sau khi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/7/2024 có kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của bố mẹ bà, bà có quan điểm hiện trạng thửa đất của bố mẹ bà còn bao nhiêu giải quyết bấy nhiêu và bà đề nghị chia hiện vật, giao toàn bộ di sản cho bà và bà thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Ngoài ra bà Thẩm xác nhận, sau khi Tòa án thụ lý yêu cầu độc lập của ông bà Vũ Văn Khòa, Nguyễn Thị Thanh bà và vợ chồng ông bà Thanh Khòa đã thỏa thuận bà thanh toán cho ông bà Thanh Khòa số tiền 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) là tiền công tôn tạo đất của ông bà Thanh, Khòa, ông bà Thanh, Khòa đã rút đơn yêu cầu độc lập và cam đoan không tranh chấp với gia đình bà về thửa đất số 226 tờ bản đồ số 03 của bố mẹ bà, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền bà đã thanh toán cho ông bà Thanh, Khòa trong vụ án này. Ông Tuấn tặng cho bà kỷ phần của ông Tuấn, bà Lắng tặng cho bà phần tài sản riêng và cả kỷ phần mà bà Lắng được nhận, bà đồng ý nhận và đồng ý thực hiện các nghĩa vụ của ông Tuấn, của bà Lắng phát sinh từ tài sản tặng cho bà.

** Bị đơn bà Lê Thị Lắng, vắng mặt tại phiên tòa, trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai, văn bản trình bày gửi Tòa án, nội dung như sau:*

Bà Lắng và ông Nguyễn Hữu Trang là vợ chồng, ông bà sinh được 06 người con lần lượt là Nguyễn Hữu Thắng, Nguyễn Thị Thắm, Nguyễn Hữu Thuấn, Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Thị Toan và Nguyễn Hữu Tuấn. Trong thời kỳ hôn nhân bà và ông Trang có tạo dựng được khối tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 226, tờ bản đồ số 03, diện tích 190m² đất ở, tại khu 10, phường Hà An, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 358306 do UBND huyện Yên Hưng (nay là thị xã Quảng Yên) cấp ngày 20/3/1991 mang tên bà. Hiện tại trên thửa đất này không có tài sản hay cây cối hoa màu gì chỉ là đất trống. Đến ngày 10/8/2011 ông Nguyễn Hữu Trang chết không để lại di chúc. Bà Nguyễn Thị Thắm khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Trang bà đồng ý. Quan điểm của bà di sản của ông Trang là 1/2 thửa đất nêu trên, còn 1/2 thửa đất là tài sản riêng của bà. Phần tài sản riêng của bà và kỷ phần bà được thừa kế từ ông Trang bà tặng cho bà Thắm, bà không yêu cầu bà Thắm thanh toán lại cho bà. Quan điểm của bà đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn Khòa, bà Vũ Thị Thanh, bà không bán thửa đất số 226 có diện tích 190m² nêu trên cho ông bà Thanh, Khòa, không đồng ý yêu cầu phản tố của ông bà Thanh, Khòa, ông bà Thanh, Khòa yêu cầu đòi tiền công đồ đất, bà đề nghị giải quyết theo quy định và trong trường hợp phát sinh nghĩa vụ trả tiền cho ông bà Thanh, Khòa, bà Thắm sẽ thay bà thực hiện. Thửa đất số 226 khi được cấp GCNQSDĐ ngày 20/3/1991 có diện tích 190m², sau khi có kết quả đo hiện trạng bà đồng ý chia theo hiện trạng còn lại của thửa đất, không tranh chấp hộ liền kề.

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Hữu Thắng, ông Nguyễn Hữu Thuấn, bà Nguyễn Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Toan, đại diện là ông Thắng trình bày:*

Bố ông là ông Nguyễn Hữu Trang, sinh năm 1932 (chết năm 2011), mẹ là Lê Thị Lắng, bố mẹ ông có 06 người con như bà Thắm và mẹ ông trình bày. Trong thời kỳ hôn nhân bố mẹ ông có tạo dựng được một số tài sản trong đó có quyền sử dụng 190m² đất ở tại thửa đất số 226, tờ bản đồ số 03, tại khu 10, phường Hà An, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 358306 do UBND huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 20/3/1991 mang tên mẹ ông.

Năm 2011 bố ông chết đi không để lại di chúc, bà Thắm yêu cầu chia thừa kế di sản của bố chia theo pháp luật ông đồng ý. Di sản của bố ông là 1/2 thửa đất nêu trên, 1/2 còn lại là của mẹ ông (bà Lắng); di sản của bố ông (ông Trang), chia theo pháp luật, chia đều cho 7 kỳ phần (bao gồm mẹ ông và 06 anh em ông), kỳ phần của ông, ông Thuấn, bà Toan, bà Thanh là 4 kỳ phần là $\frac{4}{7} \times \frac{1}{2} = \frac{2}{7}$ thửa đất, ông và ông Thuấn, bà Toan, bà Thanh đề nghị chia cho ông, ông Thuấn, bà Toan, bà Thanh (04 kỳ phần) chung một phần hiện vật và đứng tên chung 4 người, trường hợp có chênh lệch giá trị các bên thanh toán cho nhau theo quy định của pháp luật. Thửa đất số 226 tờ số 3 khi cấp GCNQSDĐ diện tích cấp là 190m², cho đến nay theo kết quả đo hiện trạng theo biên bản xem xét thẩm định ngày 16/7/2024 trong đó một phần bị mất do vào ruộng nước 20,5m² thì diện tích còn lại là phải là 169,5m², ông yêu cầu xác định di sản của cụ Trang là 1/2 của 169,5m² đất này. Còn trong kết quả đo có phân tích hiện gia đình ông bà Loan Lý quản lý một phần 8,7m² phần lối đi 10,5m² ông yêu cầu trả lại cho gia đình ông để đủ 169,5m² để gia đình ông chia thừa kế. Tại phiên tòa anh Phương đại diện gia đình ông bà Loan, Lý đề nghị đẩy đỉnh tam giác phần diện tích 8,7m² và dịch chuyển lối đi chung xuống phía Nam thửa đất, ông đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu Tuấn:

Ông Tuấn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có quan điểm thể hiện nội dung: kỳ phần ông Tuấn được nhận khi chia di sản thừa kế của bố, ông tặng cho bà Nguyễn Thị Thắm, ông không yêu cầu bà Thắm trả tiền hay nghĩa vụ gì với ông, nhưng bà Thắm phải thực hiện nghĩa vụ của ông nếu có phát sinh trong việc chia thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Nhật:

Ông Nhật vắng mặt, trong văn bản trình bày, biên bản lấy lời khai, ông Nhật trình bày nội dung như sau: ông Nguyễn Văn Nhật và ông bà Trang, Lắng là hàng xóm của nhau, năm 1995 ông bà Trang Lắng có nhu cầu bán nhà đất để ra Hạ Long ở cùng các con, khi đó ông bà Trang, Lắng có 02 thửa đất đều đã có sổ, một thửa có diện tích 760m² có nhà ở và một thửa là đất ruộng sâu diện tích 190m², hai thửa cách nhau qua lạch sông. Ông Nhật đồng ý mua thửa đất có diện tích 760m² theo giá ông Trang yêu cầu, ông Trang đồng ý cho ông Nhật thửa đất 190m². Ông Trang đã đưa 02 sổ cho ông

Nhật. Sau khi mua của ông Trang, ông Nhật rủ ông Vũ Văn Khòa, bà Nguyễn Thị Thanh mua chung thửa đất có nhà ở, do phần ông bà Thanh Khòa mua nhiều hơn nên ông Nhật cho ông bà Thanh Khòa thửa đất ruộng sâu (diện tích 190m²), sau đó ông không biết ông bà Thanh Khòa làm thủ tục thế nào đối với thửa đất 190m² này, nhưng ông bà Thanh Khòa đã quản lý và cải tạo thửa đất ruộng sâu này có được như hiện nay. Đối với yêu cầu của ông bà Thanh Khòa trong vụ án ông đề nghị giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Vũ Văn Khòa, bà Vũ Thị Thanh trình bày:

Năm 1995 thông qua ông Nguyễn Văn Nhật, ông Khòa, bà Thanh mua của ông Nguyễn Hữu Trang, bà Lê Thị Lắng 02 thửa đất, một thửa đất có nhà ở mua chung với ông Nhật thủ tục mua bán đã xong, thửa thứ 2 là đất ruộng sâu (là thửa số 226 tờ số 03) chưa làm thủ tục khi mua bán nhưng ông bà Thanh, Khòa đã quản lý và sử dụng từ năm 1996; đã đăng ký tên tại kỳ đo đạc bản đồ; đến khi cần sang tên thì khi đó ông Trang đã chết, và GCNQSDĐ sai tên bà Lắng (sổ ghi là Vũ Thị Nắng) ông bà Thanh, Khòa đến nhờ bà Lắng ký để đi dính chính thì bà Lắng nói chờ các con bà về mới ký, ông bà đi lại nhờ bà Lắng nhiều lần không ký được. Năm 2021 các con bà Lắng biết thửa đất ruộng đã được cấp sổ đỏ, khi đó các con bà Lắng đồng ý để bà Nguyễn Thị Thắm là con bà Lắng cùng vợ chồng ông đi dính chính rồi hoàn thành thủ tục mua bán, ông bà đã giao sổ cho bà Thắm, nhưng sau khi dính chính tên bà Lắng thì gia đình bà Lắng trả lời không bán đất cho ông bà nữa. Quá trình tham gia tố tụng, ông bà Thanh, Khòa cho rằng thửa đất ruộng sâu là thửa số 226 tờ bản đồ số 03 ông bà Thanh Khòa đã mua, đã bỏ công sức tôn tạo, trường hợp không trả lại đất thì phải thanh toán công tôn tạo; ngày 18/11/2024 Tòa án thụ lý yêu cầu độc lập của ông Vũ Văn Khòa và bà Nguyễn Thị Thanh, nội dung yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 226 tờ bản đồ số 03 (bản đồ 1990) diện tích 190m² đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số A 338306 ngày 20/3/1991 giữa ông Nguyễn Hữu Trang, bà Lê Thị Lắng và vợ chồng ông bà là hợp pháp. Ngày 10/4/2025 ông bà Thanh, Khòa và bà Thắm đã có thỏa thuận, bà Thắm thanh toán cho ông bà Thanh Khòa số tiền 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*), ông bà Thanh Khòa rút yêu cầu độc lập, trình bày: trên tinh thần tình cảm, tạo điều kiện giúp đỡ nhau, ông bà Thanh Khòa đã nhận số tiền 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*) từ bà Thắm và cam đoan không tranh chấp đối với thửa đất của gia đình bà Thắm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường Hà An, thành phố Quảng Ninh (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND thị xã Quảng Yên tỉnh Quảng Ninh và UBND phường Hà An) có văn bản thể hiện quan điểm có nội dung:

Trên cơ sở hồ sơ địa chính là bản đồ giải thửa đo đạc năm 1988 hoàn thành năm 1990, UBND xã Hà An lập danh sách hộ, tên các hộ đứng tên chủ sử dụng thửa đất gửi

về UBND huyện Yên Hưng, UBND huyện Yên Hưng đã cấp GCNQSDĐ theo danh sách đề nghị của UBND xã Hà An, thửa đất số 226 tờ bản đồ số 03 ghi tên chủ sử dụng đất là Vũ Thị Năng, nên được cấp GCNQSDĐ số A 358306 ngày 20/3/1991, đứng tên bà Vũ Thị Năng. UBND phường Hà An có văn bản và tài liệu gửi Tòa án có nội dung: thửa đất số 226 tờ bản đồ số 03 bản đồ 1990 ghi tên chủ sử dụng đất là Vũ Thị Năng; trên bản đồ địa chính năm 1997 vị trí thửa 226 tờ số 03 bản đồ 1990 là thửa số 8 và số 10 tờ P12, trong đó thửa số 8 diện tích 69m² ghi đất nông nghiệp, không ghi tên người sử dụng; thửa số 10, diện tích 100m² ghi ký hiệu T (đất ở đô thị) ghi tên chủ sử dụng là Nguyễn Thị Thanh; trên bản đồ năm 2014 vị trí thửa 226 là thửa số 57 tờ 45 ghi tên Vũ Văn Khòa, Nguyễn Thị Thanh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Lưu Vĩnh Tiến; anh Lưu Thế Phương, bà Đồng Thị Loan; chị Lưu Thị Anh, chị Lưu Thị Hồng, người đại diện là anh Lưu Thế Phương. Anh Phương trình bày:

Bố anh là ông Lưu Văn Lý, chết năm 2006, ông Lý có 04 người con là Lưu Thế Phương, Lưu Vĩnh Tiến, Lưu Thị Anh, Lưu Thị Hồng, ngoài ra không còn người con nào khác, và vợ là bà Đồng Thị Loan. Hiện nay thửa đất số 225 tờ bản đồ số 03 (bản đồ năm 1990) là của ông Lưu Văn Lý, hiện nay do anh Lưu Vĩnh Tiến quản lý sử dụng, trên đất có ngôi cấp 4 do anh Tiến xây dựng, vị trí phía Tây thửa 226 giáp với thửa 225 ranh giới là hàng rào cắm cọc tre và hàng rào dâm bụt và hoa giấy. Đường đi vào Thửa 225 có giáp với phía Nam thửa 226, thửa 226 trước đây là ao sâu, bề mặt đường rộng khoảng 2m. Thửa đất số 226 do anh chị Thanh, Khòa sử dụng từ khoảng năm 1995 cho đến khi xảy ra tranh chấp trong gia đình bà Lắng. Quá trình sử dụng đất anh chị Thanh Khòa tôn tạo mới có mặt bằng như hiện nay. Thực tế sử dụng 02 thửa đất này từ trước đến nay là gia đình anh và anh chị Thanh Khòa, 02 gia đình sử dụng như hiện trạng hôm nay không có tranh chấp gì. Quá trình sử dụng đất, con đường đất trước đây gia đình đã đổ cấp phối đá mặt. Tại phiên tòa, anh Phương có quan điểm, sau khi xem xét kết quả đo hiện trạng, theo bản vẽ gia đình anh đang sử dụng quá sang thửa 226 diện tích 8,7m² và con đường đi vào thửa đất của gia đình anh lại cắt ngang thửa đất của bà Lắng anh không biết ai đúng, ai sai nhưng gia đình anh đồng ý trả lại diện tích 8,7m² vị trí phía Tây thửa đất của bà Lắng, nhưng vì 8,7m² này là tam giác, nên đề nghị vẫn trả lại đủ 8,7m² nhưng đẩy 02 cạnh tam giác thành một cạnh thẳng để không còn đỉnh tam giác để hình dáng thửa đất của bà Lắng được vuông; để đảm bảo tăng diện tích sử dụng thực tế thửa đất của gia đình bà Lắng, anh đồng ý sẽ dịch chuyển lối đi vào thửa đất của gia đình anh và cũng là lối đi vào thửa đất của gia đình bà Lắng về phía Nam thửa đất, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho gia đình bà Lắng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, hiện trạng thực tế: thửa đất tranh chấp chưa có công trình xây dựng, vị trí phía Bắc giáp nương nước, phía Tây, phía Nam giáp đất gia đình bà Đồng Thị Loan, ông Lưu Văn Lý; phía Đông giáp đường liên khu; kết quả đo hiện trạng và lồng ghép nét

thửa 226: vị trí phía Tây gia đình ông bà Loan Lý đang sử dụng 8,7m², vị trí phía Bắc giáp lạch sông, vị trí phía Đông giáp thửa 229, vị trí phía Nam có lối đi vào thửa 225 của gia đình ông bà Loan Lý cắt ngang thửa đất. Định giá tài sản, kết quả vị trí thửa đất số 226 tờ 03 đất ở có đơn giá 1.400.000đồng/m².

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm đã căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1, 5 Điều 147; Điều 157, Điều 165; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1, 2 Điều 218 ; Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 15 Luật HNGĐ 1959. Điều 650, 651, 652; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 133, 152 Luật đất đai năm 2024. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thắm về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Nguyễn Hữu Trang là 1/2 thửa đất số 226 tờ số 03 được cấp GCNQSDĐ số A 358306 do UBND huyện Yên Hưng cấp ngày 20/3/1991 cấp cho bà Vũ Thị Nắng (được điều chỉnh biến động thành Lê Thị Lắng ngày 23/7/2021).

1. Chia cho bà Nguyễn Thị Thắm quyền sử dụng diện tích 90,6m² đất ở, là một phần thuộc thửa đất số 226 tờ bản đồ số 03 đã được cấp GCNQSDĐ số A 358306 do UBND huyện Yên Hưng cấp ngày 20/3/1991, cấp cho bà Vũ Thị Nắng (được điều chỉnh biến động thành Lê Thị Lắng ngày 23/7/2021), hiện nay là một phần thửa số 57 tờ bản đồ số 45, địa chỉ: khu Hà An 5, phường Hà An, thành phố Quảng Ninh; được giới hạn bởi các điểm S2(4,3,5,6,4).

2. Chia cho ông Nguyễn Hữu Thắng, ông Nguyễn Hữu Thuấn, bà Nguyễn Thị Toan, bà Nguyễn Thị Thanh quyền sử dụng diện tích 45,2m² đất ở, là một phần thuộc thửa đất số 226 tờ bản đồ số 03 đã được cấp GCNQSDĐ số A 358306 do UBND huyện Yên Hưng cấp ngày 20/3/1991, cấp cho bà Vũ Thị Nắng (được điều chỉnh biến động thành Lê Thị Lắng ngày 23/7/2021), hiện nay là một phần thửa số 57 tờ bản đồ số 45, địa chỉ: khu Hà An 5, phường Hà An, thành phố Quảng Ninh; được giới hạn bởi các điểm S1(1,2,3,4,1)

Phần diện tích làm lối đi chung S(3,7,8,5,3,2) diện tích 30,8m² (có sơ đồ kèm theo bản án).

UBND phường Hà An, thành phố Quảng Ninh và cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ công vụ trong việc quản lý đất đai đối với các diện tích đất trên theo đúng quy định của pháp luật.

3. Ông Nguyễn Hữu Thắng, ông Nguyễn Hữu Thuấn, bà Nguyễn Thị Toan, bà Nguyễn Thị Thanh mỗi người có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch tài sản được chia cho bà Nguyễn Thị Thắm số tiền 2.240.000đồng (hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và bảo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/10/2025 nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thắm và bị đơn – bà Lê Thị Lắng có đơn kháng cáo, ngày 18/11/2025 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Lưu Thế Phương có đơn kháng cáo. Do yêu cầu kháng cáo chưa rõ nên cấp phúc thẩm đã triệu tập bà Thắm, bà Lắng, ông Phương để yêu cầu làm rõ tuy nhiên chỉ có bà Thắm và ông Phương có mặt, bà Lắng vắng mặt. Cấp phúc thẩm xác định những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:

- Bà Nguyễn Thị Thắm kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, đề nghị được nhận toàn bộ thửa đất số 226 tờ bản đồ số 03 theo giấy chứng nhận QSDĐ số A358306 do UBND thị xã Quảng Yên cấp ngày 20/3/1991.

- Bà Nguyễn Thị Lắng kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm do Bản án sơ thẩm phân chia di sản thừa kế thiếu căn cứ, không khách quan, không đúng quy định pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

- Ông Lưu Thế Phương kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, ông không đồng ý cho gia đình bà Lắng 8,7m² như tại phiên tòa sơ thẩm nữa, đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên hiện trạng ban đầu.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, ngày 08/5/2026, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ninh nhận được đơn xin rút kháng cáo đề ngày 07/5/2026 của ông Lưu Thế Phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: **Căn cứ các tình tiết mới phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm thấy có căn cứ sửa một phần Bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ninh giải quyết theo quy định pháp luật.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thắm, bị đơn – bà Lê Thị Lắng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Lưu Thế Phương trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại Bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Ngày 07/5/2026, ông Lưu Thế Phương có đơn xin rút kháng cáo nên đình chỉ giải quyết đối với kháng cáo của ông Phương.

[1.3] Bị đơn bà Lê Thị Lắng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND phường Hà An, ông Vũ Văn Khòa, bà Nguyễn Thị Thanh và ông Nguyễn Văn Nhật được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Ông Nguyễn Hữu Tuấn có mặt ngày 26/5/2026, vắng mặt

ngày 25/9/2026 là lần vắng mặt thứ hai. Căn cứ quy định tại Khoản 2, 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về xác định hàng thừa kế và di sản thừa kế:

Ông Nguyễn Hữu Trang và bà Lê Thị Lắng có 06 người con, ông Trang chết năm 2011 không để lại di chúc, nên hàng thừa kế thứ nhất của ông Trang là bà Lắng và 06 người con của ông Trang là ông Nguyễn Hữu Thắng, bà Nguyễn Thị Thắm, ông Nguyễn Hữu Thuận, bà Nguyễn Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Toan, ông Nguyễn Hữu Tuấn, bao gồm 07 kỷ phần.

Ông Trang và bà Lắng có tài sản chung là thửa đất số 226 tờ bản đồ số 03 đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số A 358306 do UBND huyện Yên Hưng cấp ngày 20/03/1991 cho bà Vũ Thị Lắng (ngày 23/7/2021 đăng ký biến động thành Lê Thị Lắng).

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thắm yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của bố bà là ông Nguyễn Hữu Trang.

[3] Xét kháng cáo của đương sự:

[3.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thắm:

Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ninh ban hành công văn số 38/2026/CV-THC ngày 02/6/2026 gửi UBND phường Hà An đề nghị làm rõ về thửa đất nằm phía đông thửa đất số 226, nằm giữa thửa đất số 226 và đường bê tông, ký hiệu AO 9/218.

Ngày 06/7/2026, UBND phường Hà An ban hành văn bản số 1633/UBND-KTHT&ĐT trả lời Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ninh, cụ thể:

“- Theo bản đồ đo vẽ hoàn thành năm 1997: Thửa đất số 09, tờ bản đồ P12, diện tích 218m², là loại đất Ao, đăng ký trong sổ đăng ký ruộng đất là đất nông nghiệp do UBND phường quản lý.

- Theo bản đồ địa chính năm 2014: Là đất hành lang giao thông, do UBND phường Hà An quản lý.

- Năm 2025, phường Hà An đã mở rộng đường, làm vỉa hè trên toàn bộ thửa đất số 9/218, bản đồ địa chính năm 1997 nêu trên. Theo đó đến năm 2025, thửa đất số 226 tờ bản đồ số 3 có ranh giới phía Đông giáp đường giao thông.”

Căn cứ vào nội dung công văn số 1633/UBND-KTHT&ĐT ngày 06/7/2026 của UBND phường Hà An, ngày 23/7/2026 Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ninh đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ.

Ngày 07/9/2026, tại Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ninh, bà Nguyễn Thị Thắm, ông Nguyễn Hữu Thắng, ông Nguyễn Hữu Thuận, bà Nguyễn Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Toan (bà Toan ủy quyền cho ông Thắng), ông Nguyễn Hữu Tuấn (ông Tuấn ủy quyền cho bà Thắm) đã lập Văn bản thỏa thuận, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ninh ghi nhận nội dung thỏa thuận như sau:

“1. Phần diện tích đất chiều ngang bám vỉa hè là 2,42m, chiều ngang phần rộng nhất là 3,26m, chiều ngang phần sát với nhà ông Lý bà Loan là 1,27m, tổng diện tích là 32m², hiện nhà ông bà Lưu Văn Lý (chết năm 2006), và vợ là bà Đồng Thị Loan (ông Lý và bà Loan có 04 người con là Lưu Thế Phương, Lưu Vĩnh Tiến, Lưu Thị Anh, Lưu Thị Hồng) đang sử dụng để làm lối đi, nhưng nằm trong giấy

chứng nhận QSDĐ số A 358306 do UBND huyện Hưng cấp ngày 20/03/1991 cho bà Vũ Thị Lắng, nay thống nhất không yêu cầu phân chia thừa kế đối với phần diện tích này.

2. Xác định ranh giới thửa đất số 226 tờ bản đồ số 03 đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số A 358306 do UBND huyện Hưng cấp ngày 20/03/1991 cho bà Vũ Thị Lắng (ngày 23/7/2021 đăng ký biến động thành Lê Thị Lắng) theo bản đồ địa chính phường Hà An năm 2014.

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ninh ghi nhận việc thỏa thuận, phân chia di sản theo quy định pháp luật theo kết quả thẩm định ngày 23/7/2026 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ninh diện tích còn lại của thửa đất số 226 là 152.7m², đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chúng tôi.

3. Bà Nguyễn Thị Thắm nhận phần đất sát kê đá, ông Nguyễn Hữu Thắng nhận phần đất phía còn lại sát lối đi vào nhà ông Lý, bà Loan.”

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/9/2026, các đương sự có mặt tại phiên tòa là bà Nguyễn Thị Thắm, ông Nguyễn Hữu Thắng, bà Nguyễn Thị Toan đều đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận như tại văn bản thỏa thuận nêu trên. Ông Lưu Thế Phương không có ý kiến gì, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Trên cơ sở đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ninh phân chia di sản cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn Hữu Trang như sau:

Thửa đất số 226 tờ bản đồ số 03, nay là thửa 57 tờ bản đồ địa chính số 45, diện tích 152.7m² là di sản thừa kế của ông Nguyễn Hữu Trang.

Ông Trang được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất, bà Lắng có quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất. Chia theo pháp luật, mỗi kỹ phần thừa kế của ông Trang được chia tương ứng 1/14 thửa đất là 10,91m², có giá trị $10,91 \times 1.400.000\text{đ/m}^2 = 15.274.000\text{đ}$ (mười lăm triệu hai trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

Bà Thắm được chia 01 kỹ phần thừa kế, được ông Tuấn và bà Lắng tặng cho kỹ phần thừa kế, được bà Lắng tặng cho phần tài sản riêng của bà Lắng nên phần của bà Thắm được chia tương ứng 10/14 thửa đất là 10,91m² x 10 = 109,1m².

Ông Thắng, ông Thuấn, bà Toan, bà Thanh đề nghị chia chung nên phần của ông Thắng, bà Toan, bà Thanh, ông Thuấn được chia tương ứng 4/14 thửa đất là 10,91m² x 4 = 43,64m² (làm tròn là 43,6m²).

Để đảm bảo điều kiện tách thửa theo Quyết định 44/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh “ban hành quy định điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”, diện tích đất ở tối thiểu là 45m², chiều rộng (chiều bám đường) và chiều sâu thửa đất tối thiểu là 4,5m thì thấy rằng diện tích chia cho ông Thắng, ông Thuấn, bà Toan, bà Thanh còn thiếu 1,4m² mới đủ điều kiện tách thửa nên bà Thắm phải bù cho ông Thắng, ông Thuấn, bà Toan, bà Thanh 1,4m². Đồng thời ông Thắng, ông Thuấn, bà Toan, bà Thanh phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản được chia trả cho bà Thắm, tính theo đơn giá của Hội đồng định giá 1.400.000đồng/m², thì ông Thắng, ông Thuấn, bà Toan, bà Thanh mỗi người phải thanh toán trả cho bà Thắm số tiền: 490.000đ (bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

Như vậy sau khi chia thì thửa đất chia cho bà Thắm có diện tích $109,1\text{m}^2 - 1,4\text{m}^2 = 107,7\text{m}^2$ được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,7,5,6,1. Thửa đất chia cho ông Thắng, ông Thuấn, bà Toan, bà Thanh có diện tích 45m^2 được giới hạn bởi các điểm 3,4,5,7,3.

[3.2] Xét kháng cáo của bị đơn – bà Lê Thị Lắng:

Thấy rằng nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thắm và bị đơn – bà Lê Thị Lắng có đơn kháng cáo cùng ngày, nội dung gần như nhau. Nội dung đơn kháng cáo cho rằng Bản án sơ thẩm phân chia di sản thừa kế thiếu căn cứ, không khách quan, không đúng quy định pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân. Cấp phúc thẩm đã triệu tập bà Lắng để làm rõ yêu cầu kháng cáo tuy nhiên bà Lắng không có mặt. Như đã phân tích ở trên, việc phân chia lại di sản thừa kế phát sinh do tình tiết mới trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, tuy nhiên cũng làm thay đổi kết quả phân chia di sản nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lắng.

[4] Về chi phí tố tụng:

Chi phí thẩm định, định giá tại cấp sơ thẩm là 15.000.000đ, chi phí thẩm định tại cấp phúc thẩm là 10.000.000đ. Tổng hai lần là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Bà Thắm phải chịu chi phí thẩm định là 17.857.000đ (mười bảy triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Ông Thắng, ông Thuấn, bà Toan, bà Thanh mỗi người phải chịu chi phí thẩm định 1.785.000đ (một triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Bà Thắm đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định nên ông Thắng, ông Thuấn, bà Toan, bà Thanh mỗi người phải trả lại bà Thắm số tiền 1.785.000đ (một triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí sơ thẩm:

Đương sự yêu cầu chia thừa kế, nên phải chịu án phí trên kỷ phần được chia và phần được thanh toán. Ông Thắng, ông Thuấn, bà Thắm, bà Lắng, bà Thanh là người trên 60 tuổi có yêu cầu xin miễn án phí nên được miễn nộp án phí.

Giá trị 01 kỷ phần được chia theo pháp luật là 15.274.000đ (mười lăm triệu hai trăm bảy mươi tư nghìn đồng), án phí dân sự sơ thẩm đối với một kỷ phần 764.000đ (bảy trăm sáu mươi tư nghìn đồng); ông Tuấn, bà Toan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Thắm nhận nộp án phí thay cho ông Tuấn; nên bà Toan, bà Thắm mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 764.000đ (bảy trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

[5.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thắm, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị Lắng nên các bà Thắm, bà Lắng không phải chịu án phí phúc thẩm. Bà Thắm và bà Lắng là người cao tuổi, đã có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí phúc thẩm nên được miễn án phí.

Ông Lưu Thế Phương rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa phúc thẩm nên phải chịu 50% mức án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 284, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thắm, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị Lắng, đình chỉ giải quyết đối với kháng cáo của ông Lưu Thế Phương. Sửa Bản án sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành khu vực 2, thành phố Quảng Ninh.

Căn cứ: khoản 5 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38; Điều 147; 148; 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 15 Luật HNGĐ 1959. Điều 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thắm về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Nguyễn Hữu Trang.

[2] Chia cho bà Nguyễn Thị Thắm quyền sử dụng diện tích 107,7m² đất ở, là một phần thuộc thửa đất số 226 tờ bản đồ số 03 đã được cấp GCNQSDĐ số A 358306 do UBND huyện Yên Hưng cấp ngày 20/3/1991, cấp cho bà Vũ Thị Nắng (được điều chỉnh biến động thành Lê Thị Lắng ngày 23/7/2021), hiện nay là một phần thửa số 57 tờ bản đồ số 45, địa chỉ: khu Hà An 5, phường Hà An, thành phố Quảng Ninh, được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,7,5,6,1.

[3] Chia cho ông Nguyễn Hữu Thắng, ông Nguyễn Hữu Thuận, bà Nguyễn Thị Toan, bà Nguyễn Thị Thanh quyền sử dụng diện tích 45m² đất ở, là một phần thuộc thửa đất số 226 tờ bản đồ số 03 đã được cấp GCNQSDĐ số A 358306 do UBND huyện Yên Hưng cấp ngày 20/3/1991, cấp cho bà Vũ Thị Nắng (được điều chỉnh biến động thành Lê Thị Lắng ngày 23/7/2021), hiện nay là một phần thửa số 57 tờ bản đồ số 45, địa chỉ: khu Hà An 5, phường Hà An, thành phố Quảng Ninh; được giới hạn bởi các điểm 3,4,5,7,3.

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

UBND phường Hà An, thành phố Quảng Ninh và cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ công vụ trong việc quản lý đất đai đối với các diện tích đất trên theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về thanh toán tiền chênh lệch: Ông Nguyễn Hữu Thắng, ông Nguyễn Hữu Thuận, bà Nguyễn Thị Toan, bà Nguyễn Thị Thanh mỗi người có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch tài sản được chia cho bà Nguyễn Thị Thắm số tiền 490.000đ (*bốn trăm chín mươi nghìn đồng*).

[5] Về chi phí tố tụng:

[5.1] Bà Thắm phải chịu chi phí thẩm định là 17.857.000đ (*mười bảy triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng*), bà Thắm đã nộp đủ.

[5.2] Ông Thắng, ông Thuận, bà Toan, bà Thanh mỗi người phải chịu chi phí thẩm định 1.785.000đ (*một triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng*). Bà Thắm đã

nộp tạm ứng chi phí thẩm định nên ông Thắng, ông Thuấn, bà Toan, bà Thanh mỗi người phải trả lại bà Thắm số tiền 1.785.000đ (*một triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về án phí:

[6.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thắm, ông Nguyễn Hữu Thắng, bà Lê Thị Lắng, ông Nguyễn Hữu Thuấn, bà Nguyễn Thị Thanh được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Toan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 764.000đồng (*bảy trăm sáu mươi tư nghìn đồng*).

Ông Nguyễn Hữu Tuấn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 764.000đồng (*bảy trăm sáu mươi tư nghìn đồng*), bà Thắm nhận nộp án phí thay cho ông Tuấn. Bà Thắm đã nộp tạm ứng án phí 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010035 ngày 01/11/2021 của Cơ quan thi hành dân sự thị xã Quảng Yên (*nay là cơ quan thi hành án dân sự khu vực 2 - Quảng Ninh*) nên trả lại bà Thắm 4.236.000đ (*bốn triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng*).

[6.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thắm, bà Lê Thị Lắng được miễn án phí dân sự phúc thẩm nên không đề cập giải quyết.

Ông Lưu Thế Phương phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 150.000đ. Ông Phương đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002808 ngày 30/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ninh nên trả lại ông Phương 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát t.p QN;
- Tòa án nhân dân khu vực 2, QN;
- Thi hành án thành phố QN;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bình Vân

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Mạnh Chiến

Nguyễn Văn Đạt

Nguyễn Bình Vân

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát t.p QN;
- Tòa án nhân dân khu vực 2, QN;
- Thị hành án thành phố QN;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bình Vân